TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 15/6/2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng.

Các Thẩm phán:

1. Ông Quàng Văn Liêm;

2. Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLPT -HN&GĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đức H, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: tổ dân phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thương H, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Anh H, chị H đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và trong qua trình giải quyết vu án, anh H trình bày: Anh H và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/02/2005. Sau khi kết hôn, do điều kiện công việc nên hai vợ chồng không sống gần nhau, vì vậy giữa anh H và chị H thường xuyên xảy ra xích mích, nhiều lần xúc phạm nhau.

Anh H xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên đã khởi kiện xin ly hôn. Phía chị H cũng công nhận, nguyên nhân của mâu thuẫn là do công tác xa nên chị H không có điều kiện để quan tâm gia đình, mâu thuẫn xảy ra vợ chồng chị cũng đã cố gắng hòa hợp nhưng đến cuối tháng 5/2015 thì anh H và chị H đã sống ly thân cho đến nay, chị H xét thấy chị vẫn còn tình cảm với anh H nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng chị được đoàn tụ.

Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là: Cháu Phạm Huyền T, sinh ngày 05/01/2006 (anh H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng) và cháu Phạm Trang N - sinh ngày 19/10/2015 (chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng). Anh H đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và chị H nuôi dưỡng cháu N nhưng chị H không nhất trí. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đề nghị giao cháu N cho anh H nuôi và chị sẽ nuôi cháu T; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh H nhất trí với ý kiến của chị H.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung và nợ phải trả, nợ lấy về.

Chị H kê khai tài sản chung gồm có: 01 xe ô tô bán tải nhãn hiệu Toyota Hilux màu trắng, sản xuất năm 2011, có trị giá là 700.000.000đ; 01 bộ bàn ghế có trị giá 28.000.000đ, 01 bộ chăn ga, gối, đệm và gường có giá trị là 5.000.000đ, tổng giá trị tài sản chung khoảng 733.000.000đ. Chị H đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung, chị H và anh H mỗi người được một nửa. TAND huyện M đã ra thông báo để chị H làm thủ tục phản tố và cung cấp các tài liệu chứng cứ và tống đạt hợp lệ cho chị H nhưng hết thời hạn quy định, chị H không làm thủ tục phản tố theo yêu cầu của Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên quyết định:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Anh Phạm Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thương H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Phạm Trang N - sinh ngày 19/10/2015 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Giao cháu Phạm Huyền T - sinh ngày 05/01/2006 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H, chị H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở quyền này.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: anh Phạm Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2017, Tòa án nhân dân huyện M đã nhận đơn kháng cáo của chị H với nội dung: Bản án số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện M ghi lời trình bày của chị H về hôn nhân với cụm từ " luôn xảy ra mâu thuẫn" là không đúng, đề nghị Tòa án nhân dân huyện M ghi chính xác lời trình bày của chị H. Chị H không nhất trí với quyết định ly hôn và phần tài sản chung, tài sản riêng được nêu trong bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh H và chị H được đoàn tụ gia đình, nuôi dạy con cái trưởng thành, yêu cầu Tòa án chia tài sản chung để phục vụ cuộc sống của chị H và các con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; chị khai rằng trước đây chị và anh H đều có tình cảm ngoài chồng, ngoài vợ với người khác nhưng hai vợ chồng đã bỏ qua lỗi lầm của nhau để quay về chung sống, tình cảm của anh H đối với chị vẫn còn, yêu cầu ly hôn không phải là ý chí của anh H mà là do anh H bị tác động bởi ý kiến của các thành viên trong gia đình và những người xung quanh, chị H tha thiết đề nghị anh H quay về đoàn tụ gia đình để các con chung có mái ấm gia đình hoàn chỉnh. Phía anh H khẳng định tình cảm của anh với chị H không còn, có tiếp tục chung sống thì cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thì nội dung kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Đức H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện M giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của anh với chị Nguyễn Thị Thương H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện M thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị H gửi đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo được quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên nội dung kháng cáo là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, chị H chưa bao giờ trình bày vợ chồng chị "luôn xảy ra mâu thuẫn" nên nội dung kháng cáo của chị H đối với trích dẫn tại trang 2 dòng thứ 20 từ trên xuống của bản án số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 là hoàn toàn có cơ sở.

Xét về mâu thuẫn giữa anh H và chị H thấy rằng: cả hai người cùng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ cuối tháng 5 năm 2015 cho đến nay, (tính từ khi chị H mang thai cháu N ở tháng thứ 5 cho đến thời điểm xét xử phúc thẩm, cháu N đã hơn 19 tháng tuổi), anh H hoàn toàn cắt đứt mọi liên hệ với chị H, hai người đã không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa, TAND huyện M cũng đã kiên trì hòa giải 03 lần nhưng anh H vẫn xin ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù chị H đã tha thiết đề nghị anh H về đoàn tụ nhưng anh H vẫn không nhất trí. Như vậy, có đủ căn cứ cho thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc trích dẫn sai lời khai của chị H về mức độ mâu thuẫn không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến nội dung quyết định của bản án sơ thẩm.TAND huyện M xử cho anh H được ly hôn với chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên nội dung kháng cáo của chị H đề nghị được đoàn tụ với anh H không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Về việc phân chia tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, tài sản riêng và các khoản nợ chung. Phía chị H có kê khai tài sản chung và đề nghị Tòa án giải quyết nhưng lại không thực hiện các thủ tục theo yêu cầu của TAND huyện M tại Thông báo số 46/TB-TA ngày 05/12/2016, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án này là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 189, 190, 200 và 202 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy nội dung kháng cáo của chị H về việc chia tài sản chung không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Chị H có quyền khởi kiện chia tài sản sau khi ly hôn

bằng vụ án độc lập tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 12 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (sau đây viết tắt là Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016): Anh Phạm Đức H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số AB/2010/01710 ngày 07/11/ 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên (Anh H đã nộp đủ án phí DSST).

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148/BLTTDS; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số: AB/2010/01726 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên (Chị H đã nộp đủ án phí DSPT).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148; Điều 186/BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án; điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2017/HNGĐ-ST ngày 23/3/2017 của TAND huyện M như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Đức H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thương H.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: anh Phạm Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Đức H phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai số AB /2010/01710 ngày 07/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M , tỉnh Điện Biên (Anh H đã nộp đủ án phí DSST).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thương H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AB/2010/01726 ngày 12/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên (Chị H đã nộp đủ án phí DSPT).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/6/2017).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND H. M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hằng